

Số: 09/2024/QĐST-DS

Như Thanh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A).

Trụ sở chính: Số D N, phường E, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiên P - Chức vụ: Tổng giám đốc của Ngân hàng TMCP Á).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T - Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ (Theo giấy ủy quyền số 2118/UQ-QLN ngày 13/11/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Á).

Người được bà T ủy quyền: Bà Ma Thị Ngọc M - Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ.

- **Bi đơn**: Ông: Trịnh Văn T1 - Sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quá trình vay nợ*: Bà Ma Thị Ngọc M và ông Trịnh Văn T1 thống nhất: Ngày 26/07/2021, ông Trịnh Văn T1 mở thẻ tín dụng tại A dưới hình thức phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, lãi suất theo biểu phí thẻ tín dụng của A từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngay sau khi mở thẻ, ông T1 đã

sử dụng tổng số tiền của A tổng số tiền 128.000.000 đồng; vay để tiêu dùng cá nhân. Đây là khoản nợ riêng của ông T1.

* *Về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện:* Bà Ma Thị Ngọc M và ông Trịnh Văn T1 thống nhất không đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện.

* *Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ:* Bà Ma Thị Ngọc M và ông Trịnh Văn T1 thống nhất:

Tính đến ngày 27/5/2024, ông Trịnh Văn T1 còn nợ A tổng cộng 254.865.255 đồng. Ông T1 có trách nhiệm trả cho A toàn bộ số nợ **254.865.255 đồng** (Hai trăm năm mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng). Cụ thể bao gồm:

- Nợ gốc: 142.570.511 đồng (125.991.881 đồng tiền đã sử dụng và 16.578.630 đồng tiền phí phạt trả chậm).

- Nợ lãi quá hạn: 112.294.744 đồng.

* **Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án:** Bà Ma Thị Ngọc M và ông Trịnh Văn T1 thống nhất: Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (27/5/2024) cho đến khi thi hành án xong, ông Trịnh Văn T1 còn phải trả cho A khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 26/07/2021.

3. Về án phí:

+ Ông Trịnh Văn T1 phải chịu 6.371.000 đồng (Sáu triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng).

+ Ngân hàng TMCP Á (A) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.595.000 đồng (Năm triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005510 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Như Thanh;
- Chi cục THADS huyện Như Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN**Lê Đình Huy**